TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày 13-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Trần Ngọc Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần DP (viết tắt là Ngân hàng DP); địa chỉ trụ sở chính: Tháp DP, Số 35 A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông D - chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng DP - Chi nhánh Đông Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự số 804/QĐ-DP ngày 22/8/2019 của Ông E - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật Ngân hàng DP và Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự tại Chi nhánh số 539/QĐ-DP.ĐHP ngày 30/12/2019 của Ông F - Giám đốc Ngân hàng DP - Chi nhánh Đông Hải Phòng); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông NVM, sinh năm 1959 (đã chết) và bà NTT; sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông NVM (đã chết):

Bà NTT, sinh năm 1960;

Anh NVLH, sinh năm 1981;

Anh NVLG, sinh năm 1983;

Anh NVH, sinh năm 1987;

Cùng nơi cư trú: Tổ G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng.

Bà NTT có mặt, anh NVLH, anh NVLG, anh NVH đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 7 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng DP với ông NVM (đã chết) vợ là bà NTT đã thỏa thuận và ký Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 5417007.001/2013/HĐTD ngày 18/4/2013, số tiền vay là 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn); mục đích vay: Thanh toán tiền sửa chữa nhà ở và mua sắm nội thất, đồ dùng gia đình tại thửa đất số 107, tờ bản đồ số 05 Tổ G, H, I, Hải Phòng; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên (từ ngày 18/4/2013 đến ngày 18/4/2017); phương thức: vay theo món; kỳ hạn trả nợ gốc: định kỳ 03 tháng/lần; kỳ hạn trả nợ lãi: định kỳ 03 tháng/lần. Lãi suất trong hạn: Áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận, thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Tại thời điểm ký Hợp đồng, Ngân hàng đang áp dụng lãi suất cho vay bằng 14%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngoài ra Hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông NVM và bà NTT đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng 96,1m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 107, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: Tổ G, phường H, quận I, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 645577, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00062 do Ủy ban nhân dân quận I, Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 4 năm 2013 cho ông NVM và vợ là bà NTT theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng DP đã giải ngân và vợ chồng ông NVM, bà NTT đã nhận đủ số tiền vay theo bảng kê rút vốn ngày 18/4/2013. Tuy nhiên vợ chồng ông NVM, bà NTT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng kể từ ngày 25/4/2016 nên khoản vay của ông NVM và bà

NTT đã bị chuyển nợ quá hạn. Sau đó đến năm 2018 ông NVM qua đời, khoản nợ trên bà NTT vẫn tiếp tục quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/6/2020, bà NTT còn nợ Ngân hàng DP tổng sống tiền là 238.588.822đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 137.270.000đồng; nợ lãi trong hạn là 0 đồng; nợ lãi quá hạn là 101.318.822đồng). Ngân hàng DP đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc, đôn đốc bà NTT trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà NTT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do bà NTT đã vi phạm thỏa thuận nên Ngân hàng DP khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà NTT và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông NVM phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 238.588.822đồng. Trường hợp bà NTT và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông NVM không trả được nợ cho Ngân hàng DP thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng 96,1m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 107, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: Tổ G, phường H, quận I, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 645577, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00062 do Ủy ban nhân dân quận I, Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 4 năm 2013 cho ông NVM và vợ là bà NTT. Nếu sau khi phát mại tài sản bảo đảm vẫn chưa thanh toán hết khoản nợ thì bà NTT và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông NVM vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ hết cho Ngân hàng. Nếu giá trị tài sản còn thừa thì trả lại cho bà NTT và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NVM.

Bị đơn bà NTT trình bày:

Việc ông NVM (đã chết) và bà NTT cùng với Ngân hàng DP ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 5417007.001/2013/HĐTD ngày 18/4/2013 là hoàn toàn tự nguyện, vợ chồng ông NVM, bà NTT đã được nhận đủ số tiền 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng) giải ngân theo bảng kê rút vốn ngày 18/4/2013. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà NTT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký. Mặt khác ông NVM đột ngột qua đời nên kinh tế ngày càng khánh kiệt. Nay Ngân hàng khởi kiện đối với bà và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông NVM là các anh NVLH, NVLG, NVH, quan điểm của bà khi nào có điều kiện sẽ trả nợ cho Ngân hàng, nếu không thanh toán được nợ thì bà đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp là nhà đất tại địa chỉ: Tổ G, phường H, quận I, Hải Phòng theo như hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có quan điểm xét hoàn cảnh bà NTT thuộc trường hợp đặc biệt khó khăn, lao động chính là ông NVM chồng bà NTT chết để lại gánh nặng kinh tế cho bà NTT vì vậy Ngân hàng sẽ tạo điều kiện cho bà NTT trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu trả được hết nợ gốc cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ xem xét miễn giảm toàn bộ tiền lãi quá hạn cho bà NTT.

Tại phiên tòa bà NTT có quan điểm sẽ cố gắng thu xếp tiền để trả nợ cho Ngân hàng, trường hợp không thanh toán được khoản nợ thì bà và các con cũng đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn, bị đơn đều đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và lời khai của các bên đương sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 280, 298, 299, 303, 304, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 167 Luật Đất đai; các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà NTT và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông NVM là bà NTT, anh NVLH, NVLG, NVH phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng DP, trường hợp bà NTT và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NVM không thanh toán được khoản nợ thì phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay; trường hợp phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay mà còn thừa thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà NTT và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NVM số tiền thừa; trường hợp phát mại tài sản thế chấp chưa đủ để thanh toán khoản vay thì bà NTT và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NVM vẫn phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, mục đích vay để thanh toán tiền sửa chữa nhà ở và mua sắm nội thất, đồ dùng gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 26 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại: Tổ G, phường H, quận I, Hải

Phòng nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NVM: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh NVLG, anh NVLH, anh NVH đều vắng mặt không có lý do và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của những người này là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Mặt khác tại buổi làm việc với bà NTT vào ngày 07 tháng 5 năm 2020, bà NTT trình bày với Tòa án đã giao tận tay các con tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án do bà nhận thay. Anh NVLH, anh NVH, anh NVLG đều không có ý kiến gì về việc Ngân hàng DP khởi kiện yêu cầu bà và các con phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký và đồng ý để bà thay mặt làm việc với Ngân hàng DP. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NVM là anh NVLG, NVLH, NVH.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị bị đơn là bà NTT và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NVM phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng tính đến ngày 13/6/2020 là 238.588.822đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 137.270.000đồng; nợ lãi trong hạn là 0 đồng; nợ lãi quá hạn là 101.318.822đồng).

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa đã xác định được: Giữa Ngân hàng và vợ chồng ông NVM, bà NTT có quan hệ hợp đồng tín dụng. Theo đó Ngân hàng đã ký với ông NVM, bà NTT Hợp đồng tín dụng trung hạn số 5417007.001/2013/HĐTD ngày 18/4/2013 được giải ngân theo bảng kê rút vốn ngày 18/4/2013. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ và đúng hạn cho bên vay nhưng sau đó bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thanh toán đầy đủ các khoản nợ từ thời điểm ngày 25 tháng 4 năm 2016 cho đến nay. Ngân hàng đã đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng không có kết quả. Sau đó đến năm 2018 ông NVM qua đời, bà NTT vẫn không trả nợ đúng hạn. Tính đến ngày 13/6/2020 khoản nợ của ông NVM, bà NTT còn nợ Ngân hàng số tiền là 238.588.822đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 137.270.000đồng; nợ lãi trong hạn là 0 đồng; nợ lãi quá hạn là 101.318.822đồng).

Xét Hợp đồng tín dụng được ký giữa ông NVM, bà NTT và đại diện của Ngân hàng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên tham gia ký kết Hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sư, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải

ngân, như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng, bà NTT thừa nhận đã nhận đủ số tiền vay, đồng thời thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không có ý kiến gì về việc Ngân hàng đưa ra số nợ gốc cũng như nợ lãi và lãi quá hạn. Như vậy đủ cơ sở kết luận bị đơn đã vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng, chậm thanh toán các khoản nợ đến hạn nên việc Ngân hàng kiện yêu cầu bà NTT và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NVM phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng, ông NVM và bà NTT đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 5417007.001/2013/HĐTC ngày 18/4/2013 với nội dung thế chấp tài sản là Quyền sử dụng 96,1m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 107, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: Tổ G, phường H, quận I, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 645577, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00062 do Ủy ban nhân dân quận I, Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 4 năm 2013 cho ông NVM và vợ là bà NTT theo đúng quy định của pháp luật.

Việc thế chấp này đã được ông NVM, bà NTT đăng ký giao dịch bảo đảm theo đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận I ngày 18/4/2013 theo đúng quy định của pháp luật. Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa chủ tài sản với Ngân hàng, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực của Phòng công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319, 320 của Bộ luật Dân sự; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực và là căn cứ phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên phải thực hiện. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trong trường hợp bà NTT và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông NVM không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 280, 298, 299, 303, 304, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật Đất đai; các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng; Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần DP:

1.1 Buộc bà NTT, anh NVLG, anh NVLH, anh NVH có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần DP số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/6/2020) là 238.588.822đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm tám mươi tám nghìn tám trăm hai mươi hai đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 137.270.000đồng (Một trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng); nợ lãi trong hạn là 0 (không) đồng; nợ lãi quá hạn là 101.318.822đồng (Một trăm linh một triệu ba trăm mười tám nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày 14/6/2020, bà NTT, anh NVLG, anh NVLH, anh NVH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung hạn số 5417007.001/2013/HĐTD ngày 18/4/2013 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần DP với ông NVM (đã chết) và bà NTT. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp bà NTT, anh NVLG, anh NVLH, anh NVH không trả được nợ (bao gồm cả nợ gốc và lãi) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần DP thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 96,1m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 107, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: Tổ G, phường H, quận I, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 645577, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00062 do Ủy ban nhân dân quận I, Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 4 năm 2013 cho ông NVM và vợ là bà NTT để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền trên cho Ngân hàng.

Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà NTT, anh NVLG, anh NVLH, anh NVH vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng

trung hạn số 5417007.001/2013/HĐTD ngày 18/4/2013 được ký giữa Ngân hàng với ông NVM (đã chết) và bà NTT.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp, nếu giá trị tài sản sau khi thanh toán cho Ngân hàng vẫn còn thừa thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà NTT, anh NVLG, anh NVLH, anh NVH.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà NTT, anh NVLG, anh NVLH, anh NVH phải nộp 11.929.441đồng (Mười một triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chia đều mỗi người phải nộp số tiền là 3.976.480đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần DP số tiền 5.653.496đồng (Năm triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0008482 ngày 09/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn bà NTT có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NVM: Anh NVLH, anh NVLG, anh NVH vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phương